

SỰ “GHI ĐỀ” CỦA THIẾT CHẾ NAM QUYỀN LÊN GIỚI NỮ TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM QUA TRƯỜNG HỢP *HẢI KHẨU LINH TỬ, VÂN CÁT THẦN NỮ TRUYỆN, AN ẤP LIỆT NỮ LỤC* CỦA ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Trần Đức Dũng, Nguyễn Thị Hạnh Chi
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: Truyền kì tân phá của nữ tác gia Đoàn Thị Điểm là một tác phẩm tiêu biểu của thể truyền kì trong văn học Việt Nam. Tác phẩm dù đã được nghiên cứu và đánh giá ở nhiều cấp độ khác nhau nhưng vẫn còn những khía cạnh chưa được khai thác đến. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu cách người phụ nữ được hiện diện trong tác phẩm nhưng mang quan niệm bị ghi đề của thiết chế nam quyền trong hành động và suy nghĩ, dẫn đến hiện tượng cái tôi bị đánh mất của giới nữ. Sự ghi đề thể hiện ở giọng nói của người nam tạo nên sự đồng nhất hóa giới và sự tòng thuộc của giới nữ vào giới nam. Trong bài viết, chúng tôi sẽ phân tích ba tác phẩm: *Hải khẩu linh tử lục*, *Vân Cát thần nữ truyện* và *An Ấp liệt nữ lục* của Đoàn Thị Điểm bước đầu xác thực về một sự ghi đề của thiết chế nam quyền lên giới nữ trong sáng tác và trong tư tưởng thời trung đại.

Từ khóa: Giới nữ; thiết chế nam quyền; sự ghi đề của quyền lực; Truyền kì tân phá; Đoàn Thị Điểm.

Nhận bài ngày 05.09.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 27.10.2025
Liên hệ tác giả: Trần Đức Dũng; email: ducdungtran.04@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nhận thức của nhân loại từ xa xưa, các điển ngôn nam quyền đã luôn đè nén và áp chế người nữ nhằm khẳng định vị thế trung tâm của bản thân mình trong vai trò quyết định và làm chủ xã hội. Bằng quyền lực của mình, giới nam đã kiến tạo nên trường tri thức đề ủng hộ và bảo vệ địa vị của bản thân trong tâm thức nhân loại nhằm đẩy lùi giới nữ sang phía ngoại biên, với những lý do viện dẫn về mặt tự nhiên sinh học. Nhưng trong thế kỷ XX, những nhà nữ quyền đã đặt ra các câu hỏi phản tư về quan điểm tự nhiên luận địa vị giới nữ, họ nhìn ra sự viện dẫn nam quyền trong việc kiến tạo địa vị phái tính xã hội, họ nhận thức được rằng nơi ngoại biên mình đang “ở” không phải vì bản thân mình “sinh ra là phụ nữ” mà vì đã “trở thành phụ nữ” trong ý niệm kiến tạo xã hội của chế độ nam quyền bất công đè nén con người. Họ chủ trương nhìn nhận lại vị thế giới của mình không từ quan điểm tự nhiên luận như trước đây mà từ quan điểm kiến tạo luận, tức là giới tính mang bản chất kiến tạo của xã hội, mang đậm tính xã hội do chế độ nam quyền chi phối. Chính vì vậy, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “giới nữ” mà không phải “nữ giới” để nhấn mạnh tính kiến tạo của sự ghi đề nam quyền lên người phụ nữ luôn tồn tại bấy lâu nay và đóng vai trò hình thành bản sắc giới, đối sánh thuật ngữ này sẽ sử dụng thuật ngữ “giới nam” để chỉ sự kiến tạo vị thế xã hội của người nam và sự chính thống hóa nam quyền trong bản thân xã hội trong suốt chiều dài lịch sử.

Thế kỷ thứ XVIII của văn học Việt Nam có thể được coi là “thời kỳ Phục Hưng” của văn học Việt Nam mang tư tưởng nhân văn khôi phục những vẻ đẹp xưa từng bị che lấp, là một thời kỳ cất tiếng nói bênh vực người phụ nữ, nhìn thấy ở họ những khả thể và vẻ đẹp bị giáo hóa đè nén. Nhưng liệu có thực là vậy hay không? Với chúng tôi, nó còn là một vấn đề để nghị bàn. Liệu thật sự có một sự “cởi trói” cho phép người phụ nữ “xuất tòng” hay thực chất nó vẫn mang tư tưởng kiến tạo giới của người nam trong xã hội. Tiếp thu ý kiến khác nhau, chúng tôi đứng từ điểm nhìn quan sát thực hành văn chương của nữ tác giả Đoàn Thị Điểm - một tác giả có chỗ đứng trong nền văn học Việt Nam, được học hành một cách bài bản và được sinh trưởng trong thời kì “Phục Hưng” của thế kỷ XVIII để khám phá liệu giới nữ được giải phóng hay chỉ là một sự ghi đè của giới nam trong xã hội, một thực hành văn chương qua “bộ lọc” giới nam. Theo chúng tôi quan sát sơ bộ, dường như có một chiến lược kiến tạo giới của người nam hay nói cách khác, chúng tôi cho rằng những gì còn sót lại đến ngày nay của giới nữ trong những thực hành sáng tạo nghệ thuật và được coi là hiển nhiên đều đã bị diễn ngôn hóa qua con mắt của người nam. Chứng minh cho quan điểm của mình, chúng tôi tiến hành khảo sát, phân tích ba tác phẩm truyền kỳ của tác giả Đoàn Thị Điểm: *Hải khẩu linh từ lục*, *Vân Cát thần nữ truyện* và *An Ấp liệt nữ lục* và chỉ ra hai biểu hiện của cơ chế nam quyền đã sự ghi đè lên giới nữ: Sự đồng nhất hóa; sự tòng thuộc trong mối quan hệ giới. Từ đó, chúng tôi không chỉ tiến hành làm rõ sự tác động của thiết chế nam quyền lên người phụ nữ trong sáng tác, tư tưởng văn học Việt Nam thời trung đại mà còn góp phần tạo tiền đề cho việc giải cấu trúc nữ quyền và những “mong đợi” về người nữ có phần được lãng mạn hóa từ trước đến nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Sự ghi đè của thiết chế nam quyền qua cơ chế đồng nhất hóa giới trong tư tưởng giới nữ

Bàn về sự ghi đè của giới nam đối với giới nữ, một trong những điều chú tâm là hiện tượng đồng nhất giới trong tư tưởng của người nữ với người nam. Có lẽ, đây chính là nguyên nhân hiện tượng mất giọng ở người nữ trong văn học và dường như họ không có nhu cầu than thân, không thấy bất hạnh (trừ trường hợp nữ tác giả còn tồn nghi là Hồ Xuân Hương) mà ngược lại người cất lên tiếng than thân “giúp” họ lại là người nam (trường hợp Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều, Đặng Trần Côn,...). Mối quan tâm của họ dường như lại động ở những điều mang tầm vóc lớn lao thuộc về người nam trong xã hội. Họ không thấy mình cần được cứu giúp nhưng lại trần trở không biết làm cách nào để cứu nước, cứu đời, vệ đạo và dường như mọi mối quan tâm của họ chứa đựng trong thực hành nghệ thuật xoay quanh: “quốc” và “đức”. Hai phương diện này chi phối hoàn toàn mối quan tâm thâm mỹ của họ và được thể hiện một cách sâu sắc qua ba tác phẩm của *Truyện kỳ tân phá*.

Điều này xuất phát từ một tư duy phụ quyền được kiến tạo trong chế độ phong kiến, từ quan niệm coi “nam tính như là sự cao quý” [1, tr.165]. Qua việc, kiến tạo “địa vị cao quý” của mình trong xã hội, người nam đã đưa ra những tiêu chuẩn hành động xã hội cho người nữ trong khuôn khổ văn hóa. Như ta luôn biết, không gian của người phụ nữ là một không gian bị “vây nhốt” trong phạm vi giới hạn gia đình, buồng the..., còn người nam là cả một khoảng không bao la rộng lớn bên ngoài “bức tường gia đình”, đó không chỉ là kiến tạo không gian hai giới mà nó còn hàm ẩn sự phân công “lao động” dần dần trở thành “phân biệt đẳng cấp giới” tạo nên địa vị của người nữ - “giới thứ hai”. Nói theo quan điểm của Beauvoir: “Bức tranh thế giới là tác phẩm của đàn ông; họ khắc họa nó từ góc nhìn của riêng họ” [2, tr. 277]. Điều này càng đúng trong môi trường văn hóa trung đại, họ kiến tạo nên một xã hội giới nam, phù hợp với giới nam và đề giới nam thể hiện và khẳng định

mình; nói cách khác giới nam đã kiến tạo nên một không gian xã hội đặc thù không dành cho giới nữ vì thế, muốn tham gia vào không gian xã hội giới nam, buộc người nữ phải xảy ra một quá trình biến đổi giới như Hồ Xuân Hương từng nói:

“Ví đây đôi phận làm trai được,
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu” [3, tr. 432].

Chỉ khi xuất hiện tính nam, người phụ nữ mới có quyền tham gia vào khuôn khổ do người nam kiến tạo nhưng đồng thời khi xuất hiện tính nam, đồng nghĩa với việc “tính nữ thực sự” đã bị tước đoạt một cách tự nhiên mà không có quyền được lựa chọn.

Trong Truyền kỳ tân phả, ta vẫn nhận ra một không gian quen thuộc của giới nữ, họ chỉ được tồn tại trong không gian của giới hạn gia đình, không gian cung cấm nhưng điểm làm họ khác biệt với những người nữ của gia đình trước đây là họ vươn tới tầm xã hội. Ở Hải Khẩu linh từ lục, nhân vật Bích Châu tuy là cung phi triều Trần của vua Duệ Tông nhưng lại được tác giả đã xây dựng như một bậc nho thân vì nước, vì dân, vì vua hơn là vì chồng, mọi hành động hướng tới vua của bà như cách một vị quân thân lương tướng hướng tới quân chủ mà mình thờ phụng trước còn tình cảm ái ân nam nữ là điều đến sau. Ngay từ phần mở đầu truyện, vị cung phi họ Nguyễn đã được giới thiệu: “tính cách cứng cỏi, tư dung tươi đẹp...” [4, tr. 25]. Trong cách miêu tả này của Đoàn Thị Điểm, ta thấy có một sự đặc biệt, mà khi miêu tả người phụ nữ trước đây không có. Xét về tư tưởng thời đại, Nguyễn Dữ miêu tả Vũ Nương mang yếu tố đạo đức như một hàm ân sự mong chờ tính nữ của xã hội Nho học: “tính đã thùy mị nét na, lại thêm tư dung tốt đẹp” [5, tr. 90]. Còn trong tác phẩm này, ta nhận thấy một sự khác biệt trong cách miêu tả về người phụ nữ. Hai nhà văn tuy cùng chịu ảnh hưởng từ Nho gia: tôn sùng đạo đức và phẩm chất con người; nhưng Đoàn Thị Điểm lại đẩy tính cách nhân vật mình vượt khỏi phạm vi của người phụ nữ bước sang phạm vi tính cách của người đàn ông, mang đặc trưng của một nho sĩ “*kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi*” [5, tr. 69]. Điều này, ở một số nhà tư tưởng có thể xem là điểm mới trong cách nhìn người phụ nữ như một sự giải phóng tư tưởng nhưng chúng tôi cho rằng nó không gì hơn ngoài một chiến lược của Đoàn Thị Điểm muốn trở thành Nho thần trong cách kiến tạo nhân vật và đặt vào trong nhân vật của mình nhiệm vụ của các thần tử. Như đã nói ở trên, mối quan tâm của bà không phải là mối quan tâm thường thấy ở người nữ (dù tính nữ đó đã bị thiết chế chi phối) mà là của người nam. Trong niềm hạnh phúc ái ân, nàng lại nảy ra suy tư về triều đại: “chính sự trong nước, tiếp sau đời Hôn Đức ngày càng suy kém, liền thảo bài Kê minh thập sách dâng lên” [4, tr. 26]. “Kê minh thập sách” là mười chính sách giúp vua trị nước, “kê minh” vốn được mượn từ tứ của Kinh thi về việc vờ nghe tiếng gà gáy sáng liền nhắc chồng đi dự buổi chiều và trong tác phẩm hàm ý thức tỉnh nhà vua, đánh thức nhà vua đi theo đường lối đúng đắn, giúp dân giúp nước. Hành động dâng “sách” và cách đặt tên “sách” của nàng Bích Châu mang tính chất của tinh thần hướng ngoại, theo đường lối “nội thánh ngoại vương” mà Nho gia hướng tới. Màu sắc Nho gia ở giới nữ trong tác phẩm càng được khẳng định khi đặt đối sánh hình tượng Ngự sử đài với nàng Bích Châu. Một bên đại diện cho Nho học, cho quân tử, cho giới nam một bên đại diện cho giới nữ nhưng cả hai lại có một sự tương đồng đến kỳ lạ trong mục đích can gián vua không nên đi đánh Chiêm Thành:

Bảng 1: Đối chiếu lời thoại giữa Lê Tích và Bích Châu

Ngự sử trung tán Lê Tích	Bích Châu
“Hiện nay mới dẹp yên nội nạn, ví như cái nhọt bọc chưa khỏi hẳn, chúa không nên lấy	“Thiếp trộm nghĩ rợ Hiểm Doãn, ngang tàn lắm từ trước quen nhờn, rợ Hung Nô kiệt hiện gồm ghê, đến nay càng tệ. Vì cướp bóc là thói thường của di man mà

<p>giận riêng mà khởi binh, tướng không nên cầu công mà đánh bậy. Xét kẻ địch kia chỉ là một nước nhỏ như hòn đạn, cần gì phải nhọc thánh giá thân chinh xa!” [4, tr.28]</p>	<p>dùng binh không phải của bản tâm của vương giả. Chiêm thành nhỏ bé kia, ở bécch nơi hải đảo. Năm xưa kéo quân vào Nhị Thủy bởi thấy nước ta bất hòa; khi ấy tiếng trống động ngoài biên, chỉ vì lòng dân chưa định. Cho nên dám tung đàn ruồi nặng để múa cỏ mà không biết chỉ là bọ ngựa giương càng chắn xe. Nhưng thánh nhân rộng lượng bao dung; mà không thêm cùng chó dê so sánh. Vả đạo trị binh phải trước gốc sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân chúng yên nhàn. Lý sáng tỏ thì mềm có thể trị được rắn; lời rõ ràng thì đức phụ phục được người xa. Thêm Ngu múa cán vũ, bảy tuần tức Khắc Miêu đến châu; cung Hạ gãy sắt cầm, chấn thánng tự nhiên Hồ quy phục. Đó là thượng sách, nguyện xin bệ hạ xét đoán cho mình” [4, tr.28]</p>
--	--

Cả hai lời can gián nhà vua tuy khác nhau về độ dài ngắn và lời lẽ nhưng tựu chung đều vì các lý do: Chiêm Thành chỉ là nước nhỏ bé, là man di; nước ta vừa gặp nội nạn lòng dân chưa ổn định; không nên tham công mà thân chinh, chỉ nên lấy lòng khoan độ của thánh nhân để cảm hóa. Sự giống nhau trong suy nghĩ của Ngự sử đài với Bích Châu kết hợp với “Kê minh thập sách” phía trên chúng tôi cho rằng đây là cách mở đường để người nữ tiến vào khuôn khổ xã hội. Họ cần mượn và sử dụng lời lẽ của người nam như một công cụ chính thống để có cơ hội “tiến vào xã hội”. Không những vậy, dường như đối diện với vua, tư cách người vợ của nàng luôn được ẩn sau tư cách trung thần mang đạo nghĩa, luân lý: “Nghĩa là vua tôi, ơn là vợ chồng” [4, tr. 29]; “trong việc quân, tướng sĩ là trọng, ân ái là nhẹ, đời xưa có người giết vợ vứt con cũng là do vạn bất đắc dĩ” [4, tr. 32]. Lý tưởng của nàng xoay quanh quan điểm “quốc - đức”: quốc gia và đạo lý. Hai điều này dường như trở thành lẽ sống, là chân lý của nàng, và nàng xem đó là giá trị sống của mình. Vậy nên khi giá trị không được công nhận, nàng cảm thấy bản thân như sự “sống thừa trong cõi đất này” [4, tr. 29]. Dường như bước đi của nàng Bích Châu đều bị chi phối bởi quan niệm đạo đức Nho gia về người quân tử như một cách để hòa nhập xã hội. Nói như Aristotle: “Người nữ là nữ vì thiếu một số phẩm tính nhất định” [2, tr. 276], mà những phẩm tính này là những phẩm tính do người đàn ông kiến tạo cho bản thân mình, nên họ cần mượn tính nam như sự thừa nhận để “tồn tại” trong phạm vi xã hội.

Không chỉ trong Hải Khẩu linh từ lục - một câu chuyện chốn cung đình nên người phụ nữ ít nhiều chịu sự thiết chế mà biến đổi trong tư tưởng trở thành một “Nho gia bất đắc dĩ” mà ngay trong phạm vi gia đình, tư tưởng đạo nghĩa vẫn ăn sâu và chi phối tư tưởng đến hành động của họ. Trong Vân Cát thần nữ truyện và An Ấp liệt nữ lục, dù là người phụ nữ trần thế hay người phụ nữ chốn tiên cung họ đều coi trọng bổn phận. Họ cho rằng đó là điểm đáng trọng nên noi theo. Trong cả hai truyện, họ đều thống nhất với nhau về tư tưởng “phòng ngừa nữ sắc”, khuyên chồng không loai chức phận. Khi chồng có ý muốn loai sau khi đã nên duyên vợ chồng, tiên chúa Liễu Hạnh của Truyền kỳ tân phả lập tức khuyên răn chồng:

“Nữ nhan thùỳ Vị viễn thư Phường (Phòng),
 Tất bả Ngụy Tâm định chủ Trương.
 Lân Chân Thất Hư phân Bích diệm,
 Nguyệt Đê Mão Giác tá Lâu quang.
 Liễu văn Tinh binh tu Tham (Sâm) cứu,

Cơ phó Ngưu mao yếu Tĩnh tường.
 Chủy thổ Khuê hàn tranh Quỷ Đầu,
 Vũ môn Dực Vĩ sấn dương Cang.”
 (Mặt hoa nào phải cách thư phòng,
 Nấu sủ sôi kinh hầy dốc lòng.
 Bên vách ánh sao là nến sáng,
 Trên lầu trắng tỏ cũng đèn lòng.
 Văn chương gắng sức đường tham cứu,
 Đạo học chuyên tâm lối nẻo chung.
 Nhà ngọc phun châu tranh chiếm bảng,
 Vũ Môn vượt ải ắt nên công) [4, tr. 77].

Hay như nàng Nguyễn Thị của An Ấp liệt nữ, vì chồng là tiến sĩ Đinh Hoàn, dậy muộn, lơ là chức phận mà làm bài thơ Thoát trâm mượn tích Khương Hậu tháo trâm để khuyên can Chu Tuyên Vương năm xưa mà cảnh tỉnh chồng:

“Nhật xuất đoan phi nguyệt xuất quang,
 Lương nhân độc tự ý tiên sàng.
 Chu Công vị ngộ quan tâm thiết,
 Tương Thủy hà phương khứ lộ trường!
 Yển dật thẳng vong kim chức nghiệp,
 Kê minh nhần thính cổ thi chương.
 A thùy thêm trích đồng long thùy,
 Miễn sử tam thần hồi Quán lang.”
 (Đâu phải là trăng, nắng đã trưa,
 Giường tiên chàng vẫn giấc đang mơ.
 Chu Công chưa gặp lòng canh cánh,
 Tương Thủy e gì dặm cách xa.
 Vui mắng lơ quên đường chức phận,
 Kê minh còn nở lắng thơ xưa.
 Giọt đồng hồ cậy ai thêm nước,
 Đỡ khiến lang quân hận tiếng gà) [4, tr.89].

Dường như những người phụ nữ trong Truyền kỳ tân phả nói riêng và trong thế kỷ XVIII nói chung họ đều rất ý thức về bổn phận và trách nhiệm của bản thân mình không một chút lơ là. Họ không những ý thức trong hành động và trong tư tưởng mà còn trở thành vách ngăn, là điểm nút nhắc nhở người nam về giới hạn và bổn phận của bản thân mình. Đến hành động quyên sinh vì thương tiếc chồng mắc nạn nơi đất khách không thể trở về của người liệt nữ ở An Ấp cũng được diễn nghĩa bằng đạo đức Nho gia: “tôi thương tiếc sứ quân, chẳng phải vì nặng tình ân ái riêng mà thực còn vì cảm lòng trung nghĩa của sứ quân vậy” [4, tr.110]. Qua lời giải bày này, ta càng có thể thấy rõ người nữ đều chịu sự chi phối của thiết chế Nho gia trong cách cư xử của mình.

Nhân vật nữ trong các câu chuyện đều hành động và suy nghĩ như những người đàn ông của xã hội và với chúng tôi đó không hẳn là nữ quyền. Một trong những nhà nữ quyền đầu tiên Mary Wollstonecraft đã từng nhấn mạnh “không thể dùng thước đo với các chuẩn của nam giới để đo lường nữ giới” [6, tr.120] đến Beauvoir cũng thống nhất với quan điểm đó khi cho rằng bình đẳng giới là phụ nữ được giống và hành động như đàn ông là một quan điểm sai lầm. Chúng tôi đồng thuận với ý kiến của các nhà nữ quyền trên, chúng tôi cho rằng nữ quyền không gì hơn là một quyền tự do, mục đích của phong trào nữ quyền là

đòi lại sự tự do cơ bản cho người phụ nữ thoát ra khỏi những quy phạm hóa của giới nam. Những người phụ nữ trong Truyền kỳ tân phả tuy họ chủ động muốn làm “công việc” đó - công việc của những bậc Nho thần, nhưng thực chất, tất cả đều bị dẫn dắt bởi các quan điểm luân lý xã hội nam quyền nên chúng tôi cho rằng không hoàn toàn có một sự giải phóng giới mà là một sự ghi đè giới qua biểu hiện như một sự đồng hóa. Từ đó, cùng cố quyền lực của người nam và đưa người phụ nữ vào một vị thế của sự tòng thuộc. Điều này càng được thấy rõ khi tiên chúa Liễu Hạnh được triều đình phong kiến sắc phong “Chế thắng hòa diệu đại vương” (vị vua vĩ đại mang lại sự chiến thắng và hòa bình) vì phò giúp quân đội nhà vua dẹp giặc nhưng lại không phải như một nữ thần mà như vị thần, vị vua thuộc giới nam. Rõ ràng ở đây, tài năng và công đức của bà không được nhìn nhận như một khả năng của người phụ nữ, một người đàn bà có thể thực hiện được mà được quy theo tiêu chuẩn của một người đàn ông và xem đó như một ngoại lệ giống với giới nam nên mới có được những năng lực thần diệu như vậy.

2.2. Sự ghi đè của thiết chế nam quyền trong mối quan hệ giữa giới nữ và sự tòng thuộc

Bàn về biểu hiện thứ hai của sự ghi đè, chúng tôi muốn bàn về sự tòng thuộc của người nữ với người nam. Ở đây, chúng tôi không đặt sự tòng thuộc như một biểu hiện của giới nữ mà kết hợp các mệnh đề với nhau bằng từ “và” bởi vì xoay quay ba tác phẩm truyền kỳ này, có một sự tranh cãi về yếu tố tự do của các nhân vật nữ nhưng theo chúng tôi, họ không hẳn là tự do mà đều tuân theo phạm vi quy tắc được cho phép của người nam trong xã hội. “Tòng” mang nghĩa là “theo; đi theo; hay làm theo”. Tòng cũng được dùng để chỉ những hành động biểu thị sự tuân theo, nghe theo một mệnh lệnh, một lời nói hay một quy định. Trong thời kỳ trung đại, ta thấy xuất hiện của những từ biểu nghĩa như tòng quân, tòng sự, tòng nam, tòng nữ,... Còn “thuộc” mang hàm nghĩa là sự sở hữu hoặc liên quan, sự quen thuộc. Sử dụng khái niệm tòng thuộc, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến tính phụ thuộc, tuân theo như một lẽ hiển nhiên, một điều tất yếu đã thành luật lệ cố hữu xuất hiện nơi những người phụ nữ trong thời kỳ trung đại.

Sự tòng thuộc của phái nữ trong *Truyền kỳ Tân phả* trước hết thể hiện ở sự phụ thuộc vào quyền lực và quyết định của người nam. Người nam trong những câu chuyện có thể là vua, cha, hoặc chồng. Mặc dù đóng vai trò là nhân vật trung tâm và giữ vị trí “dẫn dắt” câu chuyện nhưng những nhân vật nữ trong các câu chuyện truyền kỳ của Đoàn Thị Điểm luôn mang một ám ảnh về thân phận, một mặc cảm về sự thấp bé, chịu quyền của đấng nam như một điều không thể thay đổi. Nhân vật Bích Châu trong *Hải Khẩu linh từ lục* của Đoàn Thị Điểm là một nhân vật đặc biệt. Bích Châu là một thiếu nữ xinh đẹp, thông minh và đức hạnh. Bà là vợ của vua Trần Duệ Tông - một vị vua thời Trần. Bích Châu được vua yêu quý vì bà có phẩm hạnh và trí tuệ thông minh. Khi đất nước lâm nguy bởi giặc ngoại xâm, bà đã tự nguyện dâng mình làm lễ vật cho thần biển, hy vọng sẽ nhận được sự bảo trợ và che chở cho đất nước. Tuy thông minh và tài đức như vậy, tiên dự được những điều không hay sẽ xảy đến nhưng Bích Châu với thân phận là phi vẫn không thể quyết định được số phận của mình. Nàng muốn tâu với vua về giấc mơ kì lạ nhưng không lựa được thời điểm. Nàng muốn ngăn vua ra trận xuất binh, cũng gửi một bản yêu sách nhưng không được vua chấp thuận. Ngay đến việc được hiến thân mình cho thần biển để cứu nước chính Bích Châu cũng không thể tự quyết. Mọi quyết định liên quan đến số phận, cuộc đời, sự sống và cái chết của người phụ nữ đều nằm trong tay người đàn ông. Bích Châu sống dưới thủy cung cũng phải tuân theo Quảng Lợi vương. Quyền lực của người nam vẫn phần nào lấn át và tác động đến người phụ nữ. Hay tiên chúa Quỳnh Nương (Liễu Hạnh công chúa) trong *Vân Cát thần nữ truyện* cũng là hình tượng người nữ vượt trội, hơn người nhưng số phận đau

thương, ý thức và hành động của nàng dường như đều bị chi phối bởi những người nam, bởi người cha, người chồng. Nàng được hạ sinh ra sau giấc mơ kỳ lạ của cha nàng một đêm báo thiêng về tài năng, phẩm hạnh và công đức của nàng sau này. Nàng xinh đẹp, nhan sắc tuyệt trần, hình ảnh nàng là mẫu số lý tưởng cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Giống với số phận của Bích Châu, nàng cũng phải hy sinh, sống ở một cõi khác. Thế nhưng dù có không được sống nơi trần thế, trở lại làm tiên chúa chốn tiên cung, nàng vẫn đau đầu về đạo làm con, về đức làm vợ: *“Cố hương xa xôi, nhà cũ thể lương, cha mẹ thiếp trông đợi ở chàng nhiều lắm, chàng nên cố gắng thường tới thăm hỏi, thay thiếp sớm chiều săn sóc”* [4, tr.54]. Giáng Tiên về trời, lại chịu theo quyền quản hạc của Thượng đế được xuống gặp chồng, được báo hiếu mẹ cha cũng chẳng thể tự mình quyết định. Điều này cũng cho thấy Giáng Tiên hay Bích Châu là số phận những người phụ nữ phụ thuộc vào tình cảm và hôn nhân phong kiến. Xuất giá tòng phu, những người phụ nữ đau khổ vì bất hạnh chia lìa, bất hạnh tình cảm; họ thường không có quyền tự quyết và phải phụ thuộc vào quyết định của giới nam.

Không những người nữ trong các câu chuyện họ không có quyền được tự quyết thực sự mà dường như giá trị của họ phụ thuộc vào người nam giới và cái chết của họ cũng chỉ có ý nghĩa và được ca tụng khi gắn liền với người chồng của mình. Người liệt nữ ở An Ấp không chỉ bày tỏ một nỗi nhớ thương chồng khi chồng đi xứ mà đỉnh điểm khi nhận được tin chồng mất nơi xứ người, nàng Nguyễn thị còn bày tỏ một nỗi niềm không thiết sống: *“Vĩ bằng âm dương cách biệt, không thỏa điều thiếp mong ước,/ Thì xin dâng tính mệnh nhỏ bé này, may được theo nhau muôn kiếp”* [4, tr.104]; *“chỉ vì xuân về hoa héo, lòng chết hình còn, không còn biết có cõi đời này nữa!”* [4, tr.104]. Dường như mục đích sống của nàng chỉ vì người chồng nên khi người chồng của nàng mất, mục đích sống không còn nên nàng chỉ một lòng tìm đến cái chết.

Trong khuôn khổ của sự tòng phu như một đặc tính ghi đẽ mang màu sắc thiết chế, người nam còn “mượn dùng” giới nữ như một sự công cụ khẳng định tính trung tâm và những diễn ngôn giới nam trong xã hội. Ta có thể thấy đó là trường hợp của nàng Bích Châu, không phải ngẫu nhiên để thoát nỗi khổ của mình, nàng lại hiện lên mong được vị vua Lê Thánh Tông - một huyền thoại về mẫu hình minh quân của dân tộc Việt, cứu giúp. Chi tiết bức thư gửi đến Quảng Lợi Vương như một cách ngoại giao thể hiện sự ngang hàng giữ vị vua của trần thế với vị vua dưới thủy cung, đặc biệt hành động gửi thư này chỉ xuất hiện ở Lê Thánh Tông lại không xuất hiện ở Trần Duệ Tông. Nó không chỉ mang ý nghĩa khắc họa tính minh quân mà còn khắc họa một tính chất ngang hàng, hơn thế nữa là một con người đáng kính trọng kiến quý thân cũng phải cúi đầu, phục giúp: *“Than ôi, đường tin tức không thông, mới biết máy lông thu còn lớn hơn xe củi; thế đó, cửa nhiều tầng chưa mở, mới hay “giác đường” cũng xa cách ngàn trùng. Biết lỗi làm may đã sai cả chép chuyển thư; ngăn rèm bóng càng gấp khiến rông truyền lệnh. Tuy âm dương hai nơi khác biệt, nhưng nếu kẻ xấu được bao che thì ba thước gươm công lý vẫn còn, há dung túng kẻ gian không trị tội. Kính cẩn đáp lời, dám mong xét đến”* [4, tr.39]. Sự kiến tạo phụ nữ trong tính tòng phu còn được thể hiện trong lời bình cuối tác phẩm *An Ấp liệt nữ truyện*: *“Mặc Trai nhược phi thiện tề gia,/ Phu nhân đãi khảng quyền sinh giá” (Mặc Trai nếu chẳng giới tề gia,/ Phu nhân đâu chịu quyền sinh mà)* [4, tr.114]. Như vậy, qua con mắt của người đàn ông, vẻ đẹp trình liệt của người phụ nữ dường như không phải do họ “tự thân” đẹp trong tâm hồn mà họ đẹp vì họ chịu “sự thống trị nam giới”. Nhờ người nam nên những vẻ đẹp đạo đức của người phụ nữ mới xuất hiện. Và vẻ đẹp đó theo chúng tôi không gì hơn ngoài một sự tòng phu, kiến tạo vị thế giới của người nam còn hằn sâu trong chúng ta đến ngày hôm nay.

3. KẾT LUẬN

Có thể thấy, người phụ nữ trong xã hội phong kiến nói chung và trong ba tác phẩm truyện truyền kỳ của Đoàn Thị Điểm nói riêng cho ta thấy một hiện tượng văn hóa còn kéo dài cho đến ngày nay trong đời sống đương đại. Cái tôi của họ bị quy chuẩn qua góc nhìn giới nam trong xã hội tạo nên một cơ chế đồng nhất hóa và sự tòng thuộc của người phụ nữ. Dù có tên tuổi, được miêu tả khá chi tiết từ ngoại hình, tài năng, đức hạnh nhưng phụ nữ vẫn nói hoặc bị “buộc” nói theo giọng của những người nam chịu ảnh hưởng bởi quan niệm đạo đức luân lý do giới nam kiến tạo. Dường như, những áp chế nam quyền khiến phận nữ nhi đánh mất tiếng nói của mình. Nếu như họ muốn can dự vào đời sống xã hội, việc nước thì họ phải trải qua một quá trình đồng nhất hóa vô hình mà chính bản thân họ không có quyền lựa chọn. Những người phụ nữ như Bích Châu, Giáng Tiên,... suy cho cùng cũng trở thành những “công cụ” truyền dẫn diễn ngôn về đạo đức, quốc vận, về vị thế của người trị vì và vị thế của giới nam. Sự tòng thuộc dường như là lẽ tất yếu và khó có thể thay đổi, thậm chí ngay trong chính suy nghĩ của những nhân vật nữ cũng chưa hề có ý định vượt thoát hay phản kháng. Có thể xem, hiện tượng này như một sự chấn thương giới bởi các thiết chế nam quyền của chế độ phụ hệ.

Những bài nghiên cứu về *Truyện kỳ tân phá* về vấn đề nữ quyền không phải là quá mới lạ. Có nhiều bài viết nói đến sự vượt thoát khuôn khổ giới của người nữ trong *Truyện kỳ tân phá*, khi những quyết định lớn và trọng đại đều có sự xuất hiện của người nữ, thậm chí họ được nâng lên thành những bậc thánh. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu và phân tích, chúng tôi nhận thấy màu sắc nữ quyền và sự đấu tranh vượt thoát những luật lệ áp chế của phụ nữ trong tác phẩm là chưa thực sự rõ nét như trong các sáng tác hiện đại. Tác giả có đề cao giá trị, vai trò của người phụ nữ, đặt họ ở vị trí trung tâm nhưng thực chất trong suy nghĩ và hành động lại bị phụ thuộc và ảnh hưởng bởi nam quyền phong kiến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bourdieu Pierre (2018), Sự thống trị của nam giới (Lê Hồng Sâm dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội.
2. Buckingham, W., Burnham, D., Hill, C., King, P. J., Marenbon, J., & Weeks, M. (2019), Triết học – Khái lược những tư tưởng lớn (Lê Ngọc Tân dịch), Nxb Dân trí, Hà Nội.
3. Hoàng Bích Ngọc (2003), Hồ Xuân Hương: Con người – Tư tưởng – Tác phẩm, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
4. Trần Thị Băng Thanh (sưu tầm và giới thiệu, 2017), Một điểm tinh hoa – Thơ văn Hồng Hà nữ sĩ, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
5. Nguyễn Dữ (2018), Truyện kỳ mạn lục (Trúc Khê dịch), Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội.
6. Butler Judith (2022), Rắc rối giới (Nhóm Tiên Phong dịch), Nxb Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.
7. Friedan Betty (2022), Bí ẩn nữ tính (Nguyễn Văn Hà dịch), Nxb Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.
8. Lê Thị Hạnh (2022), Xã hội học về bình đẳng giới – Tác gia và tác phẩm, Nxb Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.
9. Phạm Văn Hưng (2016), Tự sự của trình tiết: Nhân vật liệt nữ trong văn học Việt Nam trung đại thế kỷ X – XIX, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Phan Khôi (2018), Vấn đề phụ nữ ở nước ta (Lại Nguyên Ân, giới thiệu và tuyển chọn), Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
11. Nguyễn Đăng Na (2001), Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại (Tập 1 – Truyện ngắn), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Phùng Gia Thế & Trần Thiện Khanh (2016), Văn học và giới nữ: Một số vấn đề lý luận và lịch sử, Nxb Thế giới, Hà Nội.

THE SUPERIMPOSITION OF PATRIARCHAL INSTITUTIONS ON FEMALE IDENTITY IN MEDIEVAL VIETNAMESE LITERATURE: A CASE STUDY OF HẢI KHẨU LINH TỬ LỤC, VÂN CÁT THẦN NỮ TRUYỆN AND AN ÁP LIỆT NỮ LỤC BỞ ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Abstract: *Truyện kỳ tân phá* by female writer Đoàn Thị Điểm is a representative work of the *truyện kỳ* genre in Vietnamese literature. The work, though studied and evaluated at various levels, still has aspects that remain unexplored. This paper explores how women are represented in her narratives through a conceptual framework in which patriarchal institutions are superimposed upon female identity - both in action and thought - resulting in the erasure of the feminine self. This superimposition is voiced through a dominant male narrative that constructs gender uniformity and subordinates female subjectivity to male authority. Through an analysis of three *truyện kỳ* tales - *Hải khẩu linh tử lục* (Record of the Sacred Temple at Sea Mouth), *Vân Cát thần nữ truyện* (Tale of the Goddess of Vân Cát), and *An Áp liệt nữ lục* (Record of the Heroic Woman of An Áp) - the study provides initial evidence of the patriarchal system's imprint on both literary creation and ideological thinking in the medieval period.

Keywords: Female identity; patriarchal institutions; power inscription; *truyện kỳ tân phá*; Đoàn Thị Điểm.